



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỘI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2011

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty.....	2
2. Những sự kiện quan trọng trong năm.....	3
3. Định hướng phát triển.....	3
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:.....	4
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:	5
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có	5
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	6
1. Báo cáo tình hình tài chính:.....	6
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	8
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm:	8
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011	9
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	10
1. Kiểm toán độc lập:.....	10
2. Kiểm toán nội bộ	10
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	11
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức :	11
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:.....	11
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:.....	11
4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:	11
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	11
1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết:.....	11
2. Các cá nhân trong Ban điều hành:	11
3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:	11
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:.....	11
5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:.....	12
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	12
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	12
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 25/02/2011	15

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2010

Tên tổ chức phát hành/niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.

Địa chỉ: 934D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM

Điện thoại: 08.37421118

Fax: 08.37420923

Mã chứng khoán:

CLC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

a. Vốn điều lệ tại 31/12/2010: **131.038.300.000 VND**

- Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở phát hành cổ phiếu.
- Số cổ phiếu đã phát hành: 13.103.830 cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Các cổ đông bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam)	6.683.040	51
Cổ đông khác	6.420.790	49
Cộng	13.103.830	100

b. Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: Đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3742 1118 - Fax: 08. 3742 0923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã số thuế: 0303185504

c. Hoạt động chính của Công ty là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất, giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc-thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

2. Những sự kiện quan trọng trong năm

Năm 2010, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã đạt 1.216 tỷ đồng, tăng 5,71 % so với năm trước, đây là sự nỗ lực phấn đấu rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty trong điều kiện nền kinh tế trong nước cũng như thế giới vẫn đang phải chống chọi với đà suy giảm kinh tế.

Sự biến động tăng của tỷ giá ngoại tệ cũng như lãi suất tiền vay cao trong năm 2010 đã làm cho chi phí tài chính của Công ty trong năm 2010 lên đến 57.434.604.144 đồng tăng thêm 11.819.138.443 đồng so với năm 2009. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của công ty làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm chỉ đạt 46.550.979.154 đồng bằng 85,11% so với năm trước mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ vẫn có sự tăng trưởng.

3. Định hướng phát triển

Căn cứ vào những kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua cụ thể là trong năm 2010 mặc dù giá cả nguyên vật liệu, lãi suất tiền vay tăng cao, tỷ giá ngoại tệ diễn biến tăng bất thường nhưng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty với quyết tâm cao đã khắc phục và vượt qua khó khăn lãnh đạo công ty đạt được những kết quả nhất định. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn tiếp tục gặp những trở ngại do chưa thực sự ổn định. Giá cả nguyên vật liệu, lãi suất tiền vay đứng ở mức cao, tỷ giá ngoại tệ có những diễn biến phức tạp theo chiều hướng tăng rất khó dự đoán điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã định hướng phát triển cho năm 2011 và những năm tiếp theo như sau:

a. Định hướng năm 2011:

- Giữ vững thị trường thị phần sản phẩm nhằm duy trì sự ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu để bù đắp sự gia tăng của chi phí đầu vào do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất tiền vay, tỷ giá ngoại tệ nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty không bị giảm sút so với năm trước;
- Đưa vào khai thác và sử dụng hiệu quả 01 máy in ống đồng 9 màu đầu tư mới trong năm 2011 để sản xuất các sản phẩm bao bì đòi hỏi công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng nhằm tăng năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh;

b. Định hướng phát triển các năm tiếp theo:

- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...nhằm tăng năng lực tài chính cho Công ty;
- Tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính cụ thể: Tiếp tục đầu tư mới tài sản cố định nhất là thiết bị in để đáp ứng tốc độ tăng trưởng sản phẩm in mỗi năm từ 10% trở lên đồng thời tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh dưới các hình thức như hợp tác đầu tư, thành lập thêm các công ty con và tổ chức khai thác một cách hiệu quả.
- Phân đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc..

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Năm 2010, Công ty tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thêm 5,71% so với năm 2009, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 85,11% so với năm trước do ảnh hưởng lãi suất tiền vay và tỷ giá ngoại tệ tăng cao làm cho chi phí tài chính của Công ty tăng 25,91% so với năm trước cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ % 2010/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.149.968	1.215.655	105,710%
2. Lợi nhuận trước thuế	54.697	46.551	85,11%
3. Lợi nhuận sau thuế	50.756	42.868	84,46%
4. Chi phí tài chính	45.615	57.435	125,91%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2010	K. hoạch 2010	Tỷ lệ % T.hiện/K.hoạch
1. Tổng doanh thu	1.218.824	1.190.000	102,42%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	46.551	55.000	84,64%

Ghi chú: Tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.215.655 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 2.575 triệu đồng và thu nhập khác: 594 triệu đồng.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: Không có

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

a. Triển vọng của Công ty:

- ✓ Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- ✓ Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sấp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước.
- ✓ Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

b. Kế hoạch trong tương lai:

- ✓ Công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tổ chức nghiên cứu thị trường cùng phối hợp với khách hàng dự báo xu hướng phát triển sản phẩm mới nhất là sản phẩm in công nghệ cao (Hologram), cây đầu lọc tẩm hương, đường kính nhỏ (slim), giấy sấp nhiều màu và giấy sấp đục lỗ;
- ✓ Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 để đáp ứng năng lực sản xuất, dự kiến máy in ống đồng 9 màu được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào giữa năm 2011;
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện phương án mở rộng sản xuất tại phía Bắc;
- ✓ Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập người lao động tăng trưởng ổn định;

- ✓ Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho công ty để đầu tư phát triển, ...;
- ✓ Nghiên cứu các hoạt động kinh doanh đa ngành của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam để kết hợp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương của Công ty mẹ.
- ✓ Phân đầu giữ vững là công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

a. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	91,64	86,24
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	8,36	13,76
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,56	59,36
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33,44	40,64
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,74	27,90
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,45
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,14
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,83	4,76
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,53	4,41
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,72	11,65

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,11	10,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	21,27	26,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	32,71	38,73

- Cơ cấu tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản của công ty trong năm nay đã giảm so với năm 2009 do tốc độ đầu tư vào tài sản cố định thấp hơn mức khấu hao tài sản cố định trong năm. Tỷ trọng tài sản cố định chiếm tỷ lệ thấp trên tổng tài sản là do hầu hết các tài sản cố định của Công ty đã trích hết khấu hao tuy nhiên các tài sản này vẫn hoạt động tốt và đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ trung bình tiên tiến trở lên;

- Nhu cầu vốn lưu động tiếp tục tăng lên do sự tăng trưởng về doanh thu cùng với sự biến động về giá cả nguyên vật liệu làm cho việc dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cho sản xuất cũng tăng vì thế tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm nay tăng cao và làm mất cân đối thêm giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu cụ thể: nợ phải trả chiếm 66,56%, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 33,44 % tổng nguồn vốn. Để giảm bớt sự rủi ro do phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay công ty cần phải tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển hoặc phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi..) để đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty bị giảm so với năm trước, tuy nhiên hệ số này năm nay đạt 1,38 lần vẫn đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng trên doanh thu vẫn duy trì sự ổn định năm 2010 đạt 10,79% (năm trước là 10,73%), xong các tỷ suất sinh lời về lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm sút so với năm 2009, chủ yếu là do ảnh hưởng lớn của chi phí tài chính trong năm tăng gần 12 tỷ đồng so với năm trước do lãi suất tiền vay cao cùng với biến động tăng tỷ giá ngoại tệ.

b. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (vốn chủ sở hữu): 201.580.809.241 đồng tương đương 15.383 đồng/cổ phiếu.

c. Những thay đổi về vốn cổ đông: Không có thay đổi.

d. Tổng số cổ phiếu theo từng loại: Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

f. Cổ tức: Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức còn lại của năm 2009 bằng tiền cho cổ đông vào tháng 05/2010 tỷ lệ 13% (1.300 đồng/cổ phiếu) đồng thời trả tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền tỷ lệ 12% (1.200 đồng/cổ phiếu) và đã thanh toán vào ngày 16/12/2010 theo danh sách phân bổ quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 19/11/2010. Mức cổ tức chính thức của năm 2010 sẽ được Đại hội cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận Công ty đã đạt được trong năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh (%)	
				TH-2010/ TH-2009	TH-2010/ KH-2010
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.151.693	1.190.000	1.218.824	105,83%	102,42%
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	54.697	55.000	46.551	85,11%	84,64%

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm:

- Công ty đã thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng, chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm khi nguyên liệu đầu vào tăng giá nhằm đảm bảo lợi nhuận của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.

- Máy cắt giấy chia cuộn được đầu tư đưa vào sử dụng trong tháng 05/2010 đã thực sự phát huy trong năm 2010 góp phần đem lại hiệu quả cho Công ty. Đồng thời Công ty cũng hoàn tất việc lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với nhà thầu về việc cung cấp lắp đặt 01 máy in ống đồng 9 màu trong năm 2010 và dự kiến thiết bị sẽ đưa vào sử dụng từ giữa năm 2011.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty: Bổ nhiệm các cán bộ trẻ có năng lực đảm nhận những vị trí quản lý để từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty trong tương lai.

- Hoàn chỉnh các quy chế nội bộ của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.
- Thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty, thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng tới tinh thần hợp tác của các cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm và tay nghề cao am hiểu nhiều trong lĩnh vực sản xuất chuyên ngành.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2011

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2011 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2011</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.250.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	46.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	56.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	12.030
	- Nhãn in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	2.370
	- Giấy sáp các loại	Tấn	1.550

b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011:

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Đàm phán ký kết hợp đồng mua, bán dài hạn với khách hàng nhất là đối với việc ký kết hợp đồng mua nguyên liệu chính phải nhập khẩu với số lượng và giá cả hợp lý nhất để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vật tư sản xuất cho năm 2011;
- Thực hiện việc lắp đặt thêm 01 máy in ống đồng 9 màu có trang bị hệ thống Hotamping (ép nhũ) đúng tiến độ và đưa vào sử dụng kịp thời để đáp ứng năng lực sản xuất, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty bằng những ưu thế về chất lượng, công nghệ, giá cả cạnh tranh, dịch vụ hậu mãi...;
- Mở rộng xuất khẩu và thị phần trong nước bằng những chính sách thị trường hợp lý;
- Chú trọng xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh Công ty qua các phương tiện thông tin đại chúng và Website của Công ty;
- Từng bước nâng cao thu nhập người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích thi đua lao động xuất sắc;
- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như giảm tiêu hao nguyên vật liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm ERP trong quản lý;
- Khuyến khích nghiên cứu công nghệ mới có tính thực tiễn cao, từng bước cải tiến công nghệ cũ nhằm khai thác tối đa công suất phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy nhân sự hoạt động hiệu quả, tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế hoạt động trong tình hình mới;
- Chủ động trước các nhu cầu trong tương lai của khách hàng bằng cách mở rộng nghiên cứu về công nghệ, thị trường, dự báo tình hình và xu hướng phát triển của sản phẩm nhằm có những thay đổi kịp thời và phù hợp.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Phần phụ lục đính kèm).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ

Không có.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức :

- Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt nam nắm giữ 51%.

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:

- Chưa có.

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- Không có.

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- Hiện công ty chưa có số liệu tài chính của công ty liên quan là Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết:

- Ban giám đốc: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư xuất nhập khẩu.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Đầu tư.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

2. Các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1. Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	01/03/2008	
2. Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	01/04/2008	

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

Không thay đổi.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Chỉ tiêu lao động	Năm 2010	Năm 2009	Tỷ lệ % 2010/2009
Số lượng lao động tại 31/12	320	317	100,1%
Số lượng lao động bình quân năm	320	311	102,9%
Tiền lương bình quân người lao động (VNĐ/người/tháng)	7.481.000	7.531.000	99,3%

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động đem lại thu nhập cao. Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên tiền lương của người lao động năm nay của Công ty vẫn giữ được sự ổn định tương đương so với năm trước giúp người lao động yên tâm công tác. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 23/03/2010 đã bầu Ông Nguyễn Duy Khánh là thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho Ông Trần Sơn Châu xin thôi làm nhiệm vụ.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Thành phần của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị				
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	08/04/2009	-	
Ông Trần Sơn Châu	Thành viên	08/04/2009	23/03/2010	
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	23/03/2010	-	Thay cho Ông: Trần Sơn Châu
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	08/04/2009	-	
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	08/04/2009	-	
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên	08/04/2009	-	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1. Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban	08/04/2009	-	
2. Ông Nguyễn Văn Đạo	Ủy viên	08/04/2009	-	
3. Bà Trịnh Thanh Huyền	Ủy viên	08/04/2009	-	

b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010:

✓ **Công tác điều hành :**

- Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp và ban hành 5 Nghị quyết, tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

✓ **Công tác tổ chức**

- Thông qua việc bổ nhiệm 01 trưởng phòng Tổ chức hành chính; 01 phó phòng Tiêu thụ - Thị trường; 01 quyền quản đốc phân xưởng cây đầu lọc.

✓ **Công tác ban hành quy chế :**

- Hội đồng quản trị đã cho ban hành quy chế trong tháng 01/2011 gồm: Quy chế Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; quy chế Khen thưởng Quỹ thưởng ban quản lý điều hành; quy chế Thực hiện dân chủ trong công ty; quy chế Chi tiêu nội bộ. Các quy chế này được áp dụng từ năm 2011.

✓ **Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh :**

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2010.
- Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 trình Đại hội cổ đông.

✓ **Công tác đầu tư:**

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: “Đầu tư 01 máy cắt giấy chia cuộn”.
- Phê duyệt gói thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp và lắp đặt 01 máy in ống đồng 9 màu có thêm cụm Hologram”.
- Chủ trương mở rộng sản xuất dưới hình thức hợp tác góp vốn thành lập Công ty sản xuất tại Phía Bắc.

✓ **Công tác khác:**

- Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội cổ đông và tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2010.

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Chỉ đạo giám sát Ban giám đốc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

✓ **Công tác đánh giá, kiểm điểm của Hội đồng quản trị :**

- Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết : Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả . Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai những nghị quyết đã ban hành nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và chính sách của Nhà nước.
- Công tác chỉ đạo giám sát: Chỉ đạo và giám sát Ban Giám Đốc tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong năm 2010.

c. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2009;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lợi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010 trước khi trình ĐHĐCĐ trong phiên họp ngày 25/03/2011;
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.

d. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị đều mở rộng có ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc;
- Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, phân xưởng trong công ty, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra;

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

e. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị: Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chỉ hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho Công ty. Không có thành viên Hội đồng quản trị nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.

f. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị: Không có thay đổi.

g. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và những người điều hành chủ chốt khác của công ty: Theo qui định của nhà nước và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua cụ thể:

- Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp làm việc tại công ty gồm các ông Phan Văn Tạo, ông Nguyễn Duy Khánh là 5.000.000 đồng/tháng/người.

- Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp tại công ty gồm các ông Bùi Tấn Hòa, ông Trương Bình An Sơn, ông Cù Mạnh Đạt được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của Nhà nước và theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty.

- Tổng chi phí thù lao, hội họp của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2010 đã chi là 275.534.413 đồng.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 25/02/2011

a. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	<u>658</u>	<u>12.475.239</u>	<u>95,20%</u>
1	Nhà nước	1	6.683.040	51,00%
2	Hội đồng quản trị, BGD, BKS	5	168.504	1,29%
3	Cá nhân trong công ty	90	711.019	5,43%
4	Cá nhân ngoài công ty	532	3.424.305	26,13%
5	Tổ chức trong nước	30	1.488.371	11,36%

II.	Nước ngoài	<u>41</u>	<u>628.591</u>	<u>4,80%</u>
1	Cá nhân	31	38.154	0,29%
2	Tổ chức	10	590.437	4,51%
	<u>Tổng cộng</u>	<u>699</u>	<u>13.103.830</u>	<u>100%</u>

b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

- Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	25A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	152 Trần Phú, Quận 5, Tp.HCM	836.270	6,38%
	<u>Tổng cộng</u>		<u>7.519.310</u>	<u>57,38%</u>

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Các cổ đông lớn không thực hiện bất kỳ giao dịch mua bán nào trong năm, tỷ lệ sở hữu cổ phần cũng không có sự thay đổi trong năm.

Trân trọng./.

Tp. HCM, ngày tháng 03 năm 2011

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHAN VĂN TẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 09
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

020
CÔNG
CHÍNH
TH VI
CHÍNH
KIẾ
PHIA
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuộc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết cổ phiếu tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại địa chỉ: Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất dầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50.755.734.805 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 42.868.240.474 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 43.770.728.818 VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 38.311.033.053 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT
Ông :	Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông :	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông :	Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông :	Trương Bình An Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Mai Thị Thu Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông :	Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà :	Trịnh Thanh Huyền	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

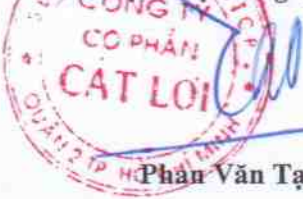
Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Cát Lợi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Phan Văn Tạo

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa

Số: 35.../BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo Tài chính năm 2010
của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi***Kính gửi:**

- Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cát Lợi
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được lập ngày 15/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2011**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính****Kế toán và Kiểm toán Phía Nam****Tổng Giám đốc****Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 479/KTV

Kiểm toán viên**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		552.462.069.291	405.019.360.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		67.484.438.480	37.913.110.245
1. Tiền	111	V.01	67.484.438.480	37.913.110.245
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.900.076.000	1.700.068.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(650.026.000)	(850.034.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.768.675.947	138.449.243.761
1. Phải thu của khách hàng	131		190.154.828.972	138.208.317.066
2. Trả trước cho người bán	132		1.326.282.816	68.163.860
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	287.564.159	172.762.835
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		286.336.486.362	225.038.377.396
1. Hàng tồn kho	141	V.04	286.336.486.362	225.038.377.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.972.392.502	1.918.560.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		103.794.711	18.283.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.851.807.004	1.337.280.112
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.790.787	562.997.421
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		50.384.305.277	64.647.614.033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		30.134.305.277	44.397.614.033
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	15.334.259.059	35.208.231.578
- Nguyên giá	222		339.894.505.923	335.306.850.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(324.560.246.864)	(300.098.618.469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.119.112.870	8.484.322.925
- Nguyên giá	228	V.06	15.525.212.589	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.406.099.719)	(7.040.889.664)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	6.680.933.348	705.059.530
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.250.000.000	20.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	20.250.000.000	20.250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			602.846.374.568	469.666.974.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		401.265.565.327	278.794.043.548
I. Nợ ngắn hạn	310		401.016.487.615	278.617.922.362
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	316.110.938.693	207.071.844.481
2. Phải trả cho người bán	312		67.316.189.156	57.311.786.316
3. Người mua trả tiền trước	313		237.342.372	616.562.925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.014.639.333	2.235.855.275
5. Phải trả người lao động	315		4.762.054.647	4.970.512.850
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.101.416.400	5.185.899.049
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL ĐH	323	V.12.6	1.473.907.014	1.225.461.466
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		249.077.712	176.121.186
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		249.077.712	176.121.186
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		201.580.809.241	190.872.930.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	201.580.809.241	190.872.930.710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.801.550.793	1.164.550.736
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.925.517.125	7.470.515.886
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.504.408.270	7.428.835.270
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.311.033.053	43.770.728.818
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			602.846.374.568	469.666.974.258

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.019.400.000	201.538.769
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		358.290,02	42.066,20
- EUR		0,75	43,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Giám đốc



Bùi Tân Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
2. Các khoản giảm trừ			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
4. Giá vốn hàng bán	VI.15	1.084.457.710.908	1.026.608.408.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.196.953.086	123.359.395.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.14	2.574.663.199	1.557.939.113
7. Chi phí tài chính	VI.16	57.434.604.144	45.615.465.701
Trong đó: Chi phí lãi vay		26.011.746.404	11.150.368.241
8. Chi phí bán hàng		16.346.722.843	12.755.023.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.991.572.814	12.012.499.113
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.998.716.484	54.534.346.540
11. Thu nhập khác		594.365.368	166.740.998
12. Chi phí khác		42.102.698	3.690.909
13. Lợi nhuận khác		552.262.670	163.050.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)		46.550.979.154	54.697.396.629
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.17	3.682.738.680	3.941.661.824
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.868.240.474	50.755.734.805
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.271	3.873

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành được miễn 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2007 đến năm 2015 với thuế suất thuế TNDN là 15%

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Thuyết minh	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	46.550.979.154	54.697.396.629
2. Điều chỉnh cho các khoản	48.553.198.898	34.305.675.905
- Khấu hao tài sản cố định	25.137.746.032	24.729.835.925
- Các khoản dự phòng	(200.008.000)	25.001.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.396.285.538)	(1.599.529.261)
- Chi phí lãi vay	26.011.746.404	11.150.368.241
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	95.104.178.052	89.003.072.534
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(56.761.086.376)	(28.300.964.849)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(61.298.108.966)	(75.391.228.438)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	9.030.048.467	4.166.714.990
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(85.511.421)	(2.253.736)
- Tiền lãi vay đã trả	(26.011.746.404)	(11.150.368.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.481.774.975)	(4.260.093.110)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.930.593.725	5.784.609.352
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(5.482.970.642)	(4.328.769.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(43.056.378.540)	(24.479.281.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(10.874.437.276)	(433.939.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	156.363.636	61.905.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(20.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.239.921.902	1.537.624.261
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(8.478.151.738)	(19.084.410.137)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.044.880.828.713	954.473.736.487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(931.007.822.300)	(893.605.198.558)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.767.147.900)	(15.717.023.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		81.105.858.513	45.151.514.829
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		29.571.328.235	1.587.823.692
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		37.913.110.245	36.325.286.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		67.484.438.480	37.913.110.245

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Tuấn



Trương Bình An Sơn



Bùi Tấn Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí Nghiệp In Bao Bì Và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 lần đầu ngày 19/02/2004 (đăng ký lại lần 7 ngày 08/08/2008) do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- In trên bao bì.
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp.
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá.
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : không phát sinh

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	82.698.100	166.349.200
Tiền gửi ngân hàng	67.401.740.380	37.746.761.045
Tiền gửi VND	60.618.572.935	36.990.887.348
Tiền gửi ngoại tệ	6.783.167.445	755.873.697
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		
Tổng cộng	67.484.438.480	37.913.110.245

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:	1.900.076.000	1.700.068.000
+ CK ngắn hạn là tương đương tiền	2.550.102.000	2.550.102.000
+ CK đầu tư ngắn hạn khác		
+ Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn(*)	(650.026.000)	(850.034.000)
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.076.000	1.700.068.000
Tổng cộng	1.900.076.000	1.700.068.000

Ghi chú: Chi tiết số dư cuối kỳ khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu):

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đạm Phú Mỹ	50.002	2.550.102.000	50.002	2.550.102.000

(*) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:

Đạm Phú Mỹ	(650.026.000)
------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	286.037.476	171.047.000
4. Phải thu khác	1.526.683	1.715.835
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
- Phải thu thuế TNCN		
- Phải thu khác	1.526.683	1.715.835
Tổng cộng	287.564.159	172.762.835

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	1.289.211.412	1.827.335.267
- Nguyên liệu, vật liệu	256.712.123.828	189.367.631.818
- Công cụ, dụng cụ	21.683.224	131.587.538
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.789.788.684	3.139.302.096
- Thành phẩm	24.523.679.214	30.572.520.677
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	286.336.486.362	225.038.377.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	28.004.257.622	298.690.245.796	5.659.312.439	2.953.034.190	335.306.850.047
2. Số tăng trong kỳ	216.070.345	3.467.702.548	1.150.486.747	64.303.818	4.898.563.458
Bao gồm:					
- Mua sắm mới	216.070.345	3.467.702.548	1.150.486.747	64.303.818	4.898.563.458
- Xây dựng mới					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ	-	-	310.907.582	-	310.907.582
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán			310.907.582		310.907.582
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	28.220.327.967	302.157.948.344	6.498.891.604	3.017.338.008	339.894.505.923
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	23.919.610.842	268.087.232.438	5.214.143.392	2.877.631.797	300.098.618.469
2. Khấu hao trong kỳ	948.441.943	23.325.947.081	443.644.807	54.502.146	24.772.535.977
Bao gồm:					
- Khấu hao tăng trong kỳ	948.441.943	23.325.947.081	443.644.807	54.502.146	24.772.535.977
- Tăng khác					
3. Giảm trong kỳ	-	-	310.907.582	-	310.907.582
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán			310.907.582		310.907.582
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	24.868.052.785	291.413.179.519	5.346.880.617	2.932.133.943	324.560.246.864
III. Giá trị còn lại của TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm	4.084.646.780	30.603.013.358	445.169.047	75.402.393	35.208.231.578
2. Tại ngày cuối kỳ	3.352.275.182	10.744.768.825	1.152.010.987	85.204.065	15.334.259.059

- Máy in ống đồng 10 màu có nguyên giá là 50.599.943.747, giá trị còn lại là 4.816.750.146 VNĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại NH VID

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 251.255.220.617 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: chưa có.

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: chưa có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	15.502.607.589		22.605.000		15.525.212.589
2. Số tăng trong kỳ			-		-
Bao gồm:					
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác (*)					
3. Số giảm trong kỳ					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối kỳ	15.502.607.589		22.605.000	-	15.525.212.589
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	7.040.889.664				7.040.889.664
2. Khấu hao trong kỳ	350.140.056		15.069.999		365.210.055
3. Giảm trong kỳ					-
Bao gồm:					
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	7.391.029.720	-	15.069.999	-	7.406.099.719
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	8.461.717.925	-	22.605.000	-	8.484.322.925
2. Tại ngày cuối kỳ	8.111.577.869	-	7.535.001	-	8.119.112.870

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đơn vị dùng để thế chấp, cầm cố vay ngân hàng là: 8.111.577.869 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Chi phí XDCB dở dang		
Trong đó: những công trình, hạng mục lớn		
- Mua sắm tài sản cố định	6.680.933.348	705.059.530
+ Phần mềm Microsoft Dynamic AX	952.433.530	
+ Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương	14.628.000	
+ Máy in ống đồng 9 màu	5.713.871.818	
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Tổng cộng	6.680.933.348	705.059.530

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cổ phiếu Công Ty Chứng Khoán Nhất Việt (2.025.000 CP)	20.250.000.000	20.250.000.000
Tổng cộng	20.250.000.000	20.250.000.000

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Vay ngắn hạn	316.110.938.693	207.071.844.481
+ Vay ngân hàng (VND)	103.000.000.000	39.700.000.000
Trong đó:		
+ Vay Ngân hàng ANZ	32.000.000.000	
+ Vay Ngân hàng VID Public Bank	16.300.000.000	
+ Vay Ngân hàng China Trust	10.600.000.000	
+ Vay Ngân hàng Quốc tế	26.500.000.000	18.500.000.000
+ Vay Ngân hàng Ngoại thương	17.600.000.000	21.200.000.000
+ Vay ngân hàng (USD)	213.110.938.693	167.371.844.481
Trong đó: (Đến 31/12/2010)		
+ Vay Ngân hàng Ngoại Thương (5.672.507,27USD)	107.391.907.635	86.631.300.875
+ Vay Ngân hàng ANZ (761.097,36 USD)	14.409.095.220	
+ Vay Ngân hàng ĐT và PT		8.354.711.954
+ Vay Ngân hàng China Trust (1.129.697,47 USD)	21.387.432.502	12.614.672.511
+ Vay Ngân hàng VID Public Bank (3.693.350,06 USD)	69.922.503.336	59.771.159.141
- Vay dài hạn hạn đến hạn trả		
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả		
Tổng cộng	316.110.938.693	207.071.844.481

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và tín chấp.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2010	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2010
10.1 Thuế phải nộp nhà nước	2.235.855.275	104.252.752.163	96.473.968.105	10.014.639.333
1. Thuế GTGT đầu ra phải nộp		12.899.619.549	10.995.892.305	1.903.727.244
2. Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	1.022.113.521	60.261.098.136	56.431.404.653	4.851.807.004
3. Thuế xuất, nhập khẩu	345.362.732	26.426.234.192	24.692.771.724	2.078.825.200
4. Thuế TNDN	692.014.766	3.682.738.680	3.481.774.975	892.978.471
5. Thuế tài nguyên				
6. Thuế nhà đất				
7. Tiền thuê đất				
8. Các loại thuế khác	176.364.256	983.061.606	872.124.448	287.301.414
+ Thuế thu nhập cá nhân	176.364.256	983.061.606	872.124.448	287.301.414
+ Các loại thuế khác				
10.2 Các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	
- Các khoản phí, lệ phí		3.000.000	3.000.000	
- Các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng	2.235.855.275	104.255.752.163	96.476.968.105	10.014.639.333

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý		-
- BHYT		-
- BHXH		108.225
- KPCĐ	49.218.469	47.797.359
- Doanh thu chưa thực hiện		-
- Phải trả về cổ phần hoá		-
- Cổ tức phải trả		7.572.900
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	730.751.531	160.994.294
- Phải trả - khuyến khích người LĐ giỏi		
- Phải trả CNV-thưởng từ lương		
- Nhận ký quỹ, cược ngắn hạn	321.446.400	151.529.200
- Các khoản vay mượn tạm thời		4.817.897.071
Tổng cộng	1.101.416.400	5.185.899.049

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12. Vốn chủ sở hữu

12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Cổ phiếu ngân quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A														
- Số dư đầu năm trước	131.038.300.000					1.800.000.000	2.514.835.270						21.231.105.899	
Tăng trong năm trước						5.670.515.886	4.914.000.000						50.755.734.805	
- Tăng vốn trong năm trước														
- Lợi nhuận tăng trong năm trước														
- Trích lập quỹ														
- Tăng vốn trong năm						5.670.515.886	4.914.000.000						50.755.734.805	
- Tăng khác														
Giảm trong năm trước														
- Bổ sung vốn từ lợi nhuận														
- Chia cổ tức năm trước														
- Trích lập quỹ														
- Phạt do vi phạm hành chính														
- Giảm khác														
- Số dư cuối năm trước	131.038.300.000					7.470.515.886	7.428.835.270						43.770.728.818	
- Số dư đầu năm nay	131.038.300.000					7.470.515.886	7.428.835.270						43.770.728.818	
Tăng trong kỳ						6.455.001.239	5.075.573.000						42.868.240.474	
- Tăng vốn														
- Lợi nhuận tăng trong kỳ														
- Trích lập quỹ						6.455.001.239	5.075.573.000						42.868.240.474	
- Tăng khác														
Giảm trong kỳ														
- Chia cổ tức														
- Trích lập quỹ														
- Giảm khác														
Số dư cuối kỳ	131.038.300.000					13.925.517.125	12.504.408.270						38.311.033.053	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.830.400.000	66.830.400.000	66.830.400.000	66.830.400.000
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	64.207.900.000	64.207.900.000	64.207.900.000	64.207.900.000
Thặng dư vốn cổ phần				
Cổ phiếu ngân quỹ(*)				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp đầu năm	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	131.038.300.000	131.038.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	32.759.575.000	15.724.596.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm nay: Trả bổ sung 13% cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt: 17.034.979.000 VND; Tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng 12% vốn điều lệ: 15.724.596.000 VND.

12.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

Dự kiến 20%

20%

12.5. Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.830	13.103.830
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu thường	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

12.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.925.517.125	7.470.515.886
+ Quỹ đầu tư phát triển	7.130.730.125	3.213.515.886
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.794.787.000	4.257.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
- Quỹ dự phòng tài chính	12.504.408.270	7.428.835.270
- Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban QLĐH	1.473.907.014	1.225.461.466

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**12.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

12.6.2. Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

12.6.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

12.6.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

13. Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
13.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.196.805.114.643	1.129.655.796.585
- Doanh thu gia công chế biến	6.355.666.230	8.904.141.853
- Doanh thu bán vật tư	1.343.873.195	2.149.666.994
- Doanh thu phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051
13.2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
13.3 Doanh thu thuần	1.215.654.663.994	1.149.967.803.965
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.196.805.114.643	1.129.655.796.585
- Doanh thu thuần gia công chế biến	6.355.666.230	8.904.141.853
- Doanh thu thuần bán vật tư	1.343.873.195	2.149.666.994
- Doanh thu thuần bán phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	909.917.302	1.477.594.977
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.330.004.600	60.029.284
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	334.741.297	20.314.852
- Chênh lệch tỷ giá thanh toán chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Tổng cộng	2.574.663.199	1.557.939.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

15. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	1.068.409.973.139	1.012.106.736.768
- Giá vốn gia công chế biến	3.620.912.406	3.378.969.684
- Giá vốn của vật tư	1.225.711.882	1.850.879.061
- Giá vốn của phế liệu thu hồi	10.203.722.247	8.320.768.482
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	51.103.555	13.624.437
- Giá vốn của dịch vụ khác	946.287.679	937.430.051
Tổng cộng	1.084.457.710.908	1.026.608.408.483

16. Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
- Chi phí lãi vay	26.011.746.404	11.150.368.244
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán đã thực hiện	31.622.865.740	34.440.096.460
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(200.008.000)	25.001.000
- Chi phí tài chính khác		
Tổng cộng	57.434.604.144	45.615.465.704

17. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.682.738.680	3.941.661.824
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	3.682.738.680	3.941.661.824

18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
20.1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.018.946.671.501	976.012.173.555
20.2. Chi phí nhân công	32.684.716.492	31.568.576.253
20.3. Chi phí dụng cụ sản xuất		
21.4. Chi phí khấu hao TSCĐ	25.213.271.227	25.473.559.340
22.5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.942.703.396	4.905.903.617
23.6. Chi phí khác bằng tiền	16.304.375.208	19.349.200.325
Tổng cộng	1.098.091.737.824	1.057.309.413.091

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Đơn vị tính: VND

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam
 Công Ty Thuốc Lá An Giang
 Công Ty Thuốc Lá Bến Tre
 Công Ty Thuốc Lá Cửu Long
 Công Ty Thuốc Lá Đồng Tháp
 Công Ty Thuốc Lá Bắc Sơn
 Công Ty Thuốc Lá Long An
 Công Ty Thuốc Lá Sài Gòn
 Công Ty Thuốc Lá Thanh Hóa
 Công Ty Thuốc Lá Thăng Long
 Công Ty Thuốc Lá Hải Phòng
 Công Ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá
 Công Ty Thương Mại Thuốc Lá

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ
 Công ty thành viên trực thuộc công ty mẹ

Công ty thực hiện các giao dịch mua bán chủ yếu với các bên liên quan trên.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Bùi Minh Tuấn

Kế toán trưởng



Trương Bình An Sơn

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa